SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; 21/07/2023; 12:33:43

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |
| Số: 1499 /QĐ-UBND | *Tây Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

## CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1634/TTr-SXD ngày 12 tháng 7 năm 2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng trên địa

bàn tỉnh Tây Ninh *(Danh mục và nội dung Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố bằng file điện tử đính kèm theo Quyết định này trên phần mềm Egov).*

Sở Xây dựng thực hiện việc xây dựng và cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống một cửa tập trung và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Đồng thời, công khai và giải quyết các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng quy định.

Căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã công bố, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Sở Xây dựng cập nhật lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống Một cửa điện tử tập trung. Đồng thời, tham mưu vận hành, điều chỉnh các hệ thống liên quan đảm bảo thông suốt, thuận lợi trong việc tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này. Đồng thời, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ thủ tục: *"Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)"* của Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của ngành Xây dựng tỉnh Tây Ninh;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng, trung tâm: KSTT; KGVX; HCC;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

(Hoa)

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Đức Trong**

**Phụ lục**

**DANH MỤC, NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH TÂY NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1499 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

## PHẦN I
## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 26 | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương (1.009794) | Quản lý chất lượng công trình xây dựng | |

## PHẦN II
## NỘI DUNG QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỪNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH TÂY NINH

| | |
|---|---|
| **Thủ tục 26** | **THỦ TỤC KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG** |
| **1. Trình tự thực hiện:** | - Tổ chức có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính này thì chuẩn bị hồ sơ nộp tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Bao gồm: bưu điện tỉnh, huyện, xã) hoặc liên hệ qua số điện thoại **1900561563** để được nhân viên tại các điểm bưu chính thuộc hệ thống Bưu điện tỉnh gần nhất trực tiếp đến tiếp nhận hồ sơ tại nơi mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu. Nhân viên tại các điểm bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ phải vận chuyển hồ sơ và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Trường hợp tổ chức không có nhu cầu nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích thì có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 83, đường Phạm Tung, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) để được tiếp nhận và giải quyết theo quy định.<br>- Ngoài 02 hình thức trên, tổ chức có thể nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại:<br>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/<br>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ https://dichvucong.tayninh.gov.vn/<br><br>**Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ, trừ ngày nghỉ, lễ theo quy định).<br>Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện như sau: |

| STT | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian 20 ngày |
|---|---|---|---|
| | **Trung tâm Phục vụ Hành chính công** | | |
| **Bước 1** | - Thực hiện tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ được cá nhân nộp trực tiếp tại Trung tâm.<br>- Thực hiện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ thiếu đề nghị bổ sung, nếu hồ sơ đầy đủ viết phiếu hẹn trao cho người nộp và**hồ sơ sẽ được nhân viên bưu điện chuyển cho Sở Xây dựng thẩm định, giải quyết.** | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | 0,5 ngày |
| **Bước 2** | **Sở Xây dựng** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | - Kiểm tra lại tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:<br>+ Trường hợp hồ sơ không phù hợp: Tham mưu lãnh đạo sở ký văn bản trả hồ sơ và chuyển trả Trung tâm Phục vụ Hành chính công để tiếp tục hoàn thiện. Thời gian trả kết quả kể từ lúc nhận hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc.<br>+ Trường hợp hồ sơ phù hợp: Nghiên cứu hồ sơ, phát hành Kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra. | Phòng Quản lý xây dựng | |
| | Trên cơ sở Biên bản kiểm tra, soạn thảo thông báo Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. | Phòng Quản lý xây dựng | 16 ngày |
| | Ký văn bản thông báo Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng | Lãnh đạo Sở | 02 ngày |
| | Chuyển Văn phòng Sở phát hành văn bản, **chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để nhân viên bưu điện chuyển cho Trung tâm.** | - Phòng Quản lý xây dựng<br>- Văn phòng | 01 ngày |
| **Bước 3** | **Trả kết quả** | | |
| | Tiếp nhận kết quả giải quyết từ nhân viên bưu điện và trả kết quả trực tiếp cho người nộp hồ sơ (trường hợp người nộp hồ sơ muốn nhận kết quả trực tiếp) hoặc Trung tâm chuyển kết quả cho nhân viên bưu điện để trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích cho người nộp hồ sơ theo yêu cầu. | Công chức tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công | 0,5 ngày |

* Bản đồ quy trình:

| | |
|---|---|
| | 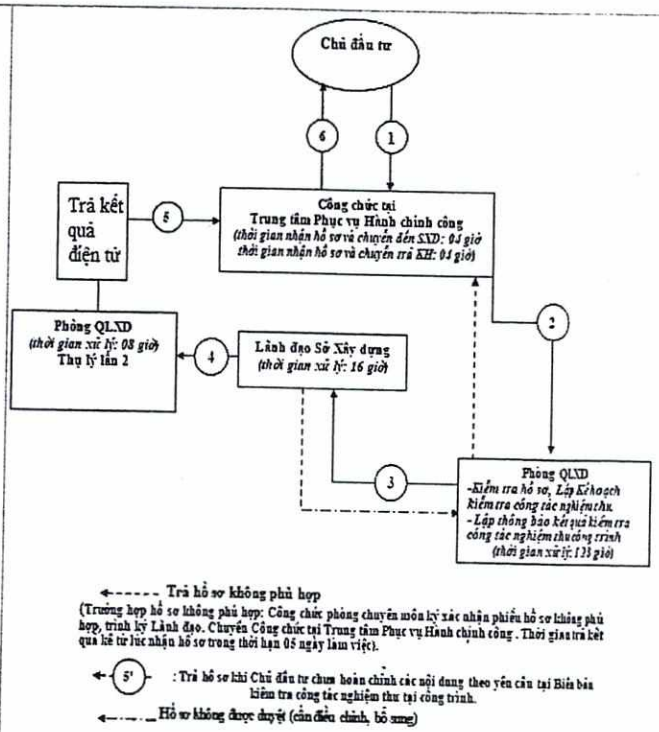 |
| **2. Cách thức thực hiện:** | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;<br>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Nộp hồ sơ trực tuyến tại:<br>Gửi các tệp tin chứa bản sao điện tử các thành phần hồ sơ gốc thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp tệp tin chứa các thành phần hồ sơ có dung lượng lớn, không gửi được thông qua dịch vụ công trực tuyến thì được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.<br>+ Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/<br>+ Cổng dịch vụ công tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.tayninh.gov.vn/ |
| **3.Thành phần, số lượng hồ sơ:** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:**<br>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.<br>- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục Vlb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.<br>**Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ). |

| | |
|---|---|
| **4. Thời hạn giải quyết:** | 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu. |
| **5. Đối tượng thực hiện TTHC:** | Chủ đầu tư |
| **6. Cơ quan thực hiện TTHC:** | Sở Xây dựng |
| **7. Kết quả thực hiện TTHC:** | Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. |
| **8. Phí, lệ phí:** | Không có |
| **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** | - Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.<br>- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. |
| **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** | Không có |
| **11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;<br>- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng |
| **Ghi chú:** | |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | - Giấy Biên nhận hồ sơ;<br>- Lưu theo thành phần hồ sơ theo TTHC quy định;<br>- Kết quả giải quyết Thủ tục hành chính; |
| **Thời gian lưu và nơi lưu** | Hồ sơ đã giải quyết xong được lưu tại phòng Quản lý xây dựng, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Văn thư Sở, lưu trữ theo quy định hiện hành. |

**MẪU BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

*(Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng)*

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| -------- | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | --- |
| Số: ..... | *....., ngày ... tháng ... năm .....* |

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: .....(2) .....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: ...(3)..... thuộc dự án .....

2. Địa điểm xây dựng .....

3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp: .....

4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.

8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.

9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ

sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị ....(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** |
| - Như trên; | **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** |
| - Lưu ... | *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)* |

---

***Ghi chú:***

(1) Tên của Chủ đầu tư.

(2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

## MẪU DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

*(Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng)*

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).

2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.

4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).

5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.

6. Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.

7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.

9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.

10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.

2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.

4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.

5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền

2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).

3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.

4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.

5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.

6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.

9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.

10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;

c) An toàn môi trường;

d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);

e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;

h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).

12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).

15. Các hồ sơ, lài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).

16. Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

---

***Ghi chú:***

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định này, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

**MẪU THÔNG BÁO**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

*(Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)*

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| -------- | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | --- |
| Số: ….. | *……., ngày … tháng … năm …..* |

**THÔNG BÁO**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: ..... (2) .....

Căn cứ .....(3) .....;

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số .....; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số....;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số .....(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu .....(4).... của .....(2).....đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình: ....(5)....

b) Địa điểm xây dựng: .....

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu ...

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

---

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

(4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

(5) Tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi được chấp thuận kết quả ngh